

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

(International Humanitarian Law)

1. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: **TS. Phạm Thị Thu Huyền**

Chức danh: Giảng viên

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quốc tế học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: 02438.584.599

Email: thuyduongqth@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Luật Quốc tế
- Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ
- Các nhóm lợi ích của Hoa Kỳ

• Giảng viên 2

- Họ và tên: **TS. Vũ Anh Thu**

- Chức danh: Giảng viên

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Quốc tế học

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại: 02438.584.599

- Email: anhthuvnu@yahoo.com

- Các hướng nghiên cứu chính:

- + Luật Quốc tế
- + Hỗ trợ nhân đạo và viện trợ phát triển
- + Phát triển bền vững
- + Hệ thống pháp luật Việt Nam

2. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Luật Nhân đạo quốc tế

- Mã học phần: ITS3068
- Số tín chỉ: 02
- Học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết (nếu có)
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)
- Số giờ tín chỉ: Lý thuyết: 20

Thực hành: 10

Tự học:

-Địa chỉ Khoa/ Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Nghiên cứu phát triển quốc tế, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

3.1.Mục tiêu chung

- Làm rõ những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật Nhân đạo quốc tế như khái niệm, đặc điểm, các nguyên tắc cơ bản và quá trình phát triển của chúng.
- Trang bị những kiến thức về các quy định của luật nhân đạo quốc tế trong xung đột vũ trang quốc tế, xung đột vũ trang phi quốc tế và những quy định trong hỗ trợ thảm họa thiên nhiên, dịch bệnh.
- Đánh giá mục đích đạt được thông qua việc thực thi luật nhân đạo quốc tế.

3.2.Chuẩn đầu ra của học phần:

-Kiến thức:

- + Người học nhận biết được kiến thức, các nội dung cơ bản trong môn học.
- + Người học hiểu được sự hình thành và yếu tố tác động đến sự phát triển của luật nhân đạo quốc tế.
- + Người học giải thích được cách thức, các khái niệm về mục tiêu dân sự, mục tiêu quân sự, và các vấn đề liên quan đến bảo vệ tài sản văn hóa trong xung đột vũ trang quốc tế.
- + Người học áp dụng được kiến thức thông qua những đánh giá về khó khăn, thuận lợi trong hoạt động nhân đạo do Luật Nhân đạo quốc tế điều chỉnh.

+ Người học áp dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành QTH trong các công việc giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn chính sách hoặc thực hành về các vấn đề quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế của Việt Nam liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, môi trường v.v. Tăng cường hiểu biết về hoạt động nhân đạo quốc tế khi Việt Nam gia nhập các công ước, hiệp ước về lĩnh vực nhân đạo quốc tế.

- Kỹ năng:

+ Người học có kỹ năng trình bày và thảo luận các vấn đề mà giảng viên đề ra.

+ Người học có kỹ năng phân tích, thảo luận và đưa ra quan điểm của mình trong các tình huống cụ thể về mục tiêu dân sự, mục tiêu quân sự và ảnh hưởng đến người dân trong xung đột quốc tế.

+ Người học có kỹ năng phản biện, phê phán, đánh giá hiệu quả của hỗ trợ nhân đạo quốc tế của các tổ chức nhân đạo nhằm giúp người dân vượt qua các khủng hoảng nhân đạo trong các xung đột quốc tế.

+ Người học có thể đưa ra quan điểm về việc áp dụng Luật Nhân đạo quốc tế trong thực tiễn.

+ Người học có kỹ năng đọc các tài liệu có liên quan, đặc biệt là các tư liệu bằng tiếng nước ngoài, để thấy được mức độ ảnh hưởng của các nhánh quyền lực trong việc thi hành chính sách đối nội và đối ngoại của các cấp chính quyền. Sinh viên phải có kỹ năng trình bày và thảo luận các vấn đề mà giảng viên đề ra.

- Thái độ (phẩm chất đạo đức cá nhân):

+ Người học phải nghiêm túc trong quá trình học tập, có thái độ tích cực, xây dựng các tình huống đặt ra trong các giờ học. Bên cạnh đó, sinh viên chủ động đọc tài liệu mà giảng viên yêu cầu và hoàn thành các nội dung bài tập một cách đúng quy định.

+ Người học chia sẻ sự đa dạng về quan điểm, niềm tin trong kiến thức và thực tiễn.

+ Người học cân bằng được sự khác biệt, mâu thuẫn trong giải quyết công việc.

4. Tóm tắt nội dung học phần

Luật nhân đạo quốc tế là một tập hợp các quy định của luật quốc tế nhằm giảm thiểu những đau khổ và thiệt hại cho con người trong các cuộc chiến tranh do tác động của xung đột vũ trang vì mục tiêu nhân đạo. Ngành luật này được hình thành từ trên một thế kỷ và hiện có hàng trăm văn kiện. Hệ thống văn kiện này đã và đang có vai trò đặc biệt quan trọng trong các cuộc chiến tranh thế giới cũng như trong hàng trăm cuộc xung đột vũ trang xảy ra ở khắp các khu vực trên thế giới từ cuối thế kỷ XIX đến nay.

Các văn kiện về luật nhân đạo quốc tế được thông qua đã góp phần quan trọng trong việc bảo hộ nạn nhân và hạn chế các tổn thất không cần thiết trong các cuộc chiến tranh. Mặc dù vậy, hậu quả của cuộc chiến tranh đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải bổ sung, ban hành mới các quy định trong hệ thống văn kiện của ngành luật mới mẻ này như Nghị định thư về cấm sử dụng hơi cay và hơi độc năm 1925, Công ước về đối xử với tù binh năm 1929... đã tạo ra cơ sở pháp lý bảo vệ binh sỹ bị thương và mở rộng đối tượng bảo vệ tới những người tù bị bắt trong khi tham gia chiến sự.

Với mục tiêu cao cả của mình, Luật nhân đạo quốc tế đã được đông đảo cộng đồng quốc tế quan tâm, công nhận và coi là giá trị chân lý của nhân loại, là cách ứng xử cần thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. Hệ thống các văn kiện đã có vai trò quan trọng trong việc bảo hộ các nạn nhân trong các cuộc chiến tranh trên thế giới, đã cho thấy khát vọng mãnh liệt về một thế giới hoà bình, mong muốn các quốc gia không dùng vũ lực, đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều nét tương đồng giữa truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam và triết lý nhân đạo của Luật nhân đạo quốc tế.

Việt Nam đã sớm tham gia vào các văn kiện chủ yếu của Luật nhân đạo quốc tế là bốn Công ước Geneva năm 1949 và Nghị định thư bổ sung, cùng các văn kiện khác đã thể hiện ý chí và nguyện vọng của Việt Nam đối với việc bảo vệ các quyền của con người trong xung đột vũ trang, phù hợp với mục đích mà luật nhân đạo quốc tế đặt ra. Vì thế việc nghiên cứu về Luật nhân đạo quốc tế với sự tham gia của Việt Nam vào các công ước của Luật Nhân đạo quốc tế tạo ra cơ sở lý luận và thực tiễn để Việt Nam có thể học hỏi các kinh nghiệm của các nước, thành lập cơ quan chuyên trách quản lý việc thực thi luật nhân đạo quốc tế tại Việt Nam.

5. Nội dung chi tiết học phần

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

1.1. Khái niệm, vị trí và mục tiêu của Luật Nhân đạo quốc tế

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Vị trí

1.1.3. Mục tiêu

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của Luật Nhân đạo quốc tế

1.2.1. Giai đoạn 1859- 1864

1.2.2. Giai đoạn 1865- 1899

1.2.3. Giai đoạn 1900- 1938

1.2.4. Giai đoạn 1939- 1949

1.2.5. Giai đoạn 1950- 1977

1.2.6. Giai đoạn 1980- nay

1.3. Phạm vi áp dụng và các đối tượng được bảo hộ trong Luật Nhân đạo quốc tế

1.3.1. Bối cảnh áp dụng của Luật Nhân đạo quốc tế

1.3.2. Hiệu lực về thời gian của Luật Nhân đạo quốc tế

1.3.3. Những đối tượng được Luật Nhân đạo quốc tế bảo hộ

CHƯƠNG 2

BẢO VỆ NHỮNG ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TỰ VỆ TRONG CHIẾN TRANH

2.1. Bảo vệ những người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

2.1.1. Khái niệm người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

2.1.2. Khái quát về sự phát triển quy định về bảo vệ người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

2.1.3. Những quy định về bảo vệ người bị thương, bị ốm, bị đắm tàu

2.2. Bảo vệ thường dân

2.2.1. Khái quát về bảo vệ thường dân trong chiến tranh, xung đột vũ trang quốc tế

2.2.2.

Bảo vệ thường dân trong các lãnh thổ đối phương hoặc bị đối phương chiếm đóng

2.3. Bảo vệ các nhân viên y tế, đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế

2.3.1. Những quy định về bảo vệ nhân viên y tế

2.3.2. Những quy định về bảo vệ các đơn vị y tế

2.3.3. Những quy định về phương tiện vận chuyển y tế

2.4. Bảo vệ các nhân viên tôn giáo

2.4.1. Khái niệm và vị thế của các nhân viên tôn giáo

2.4.2. Các quy định về việc bảo vệ các nhân viên tôn giáo

2.5. Bảo vệ tù binh

2.5.1. Khái niệm tù binh

2.5.2. Sự phát triển của Luật Nhân đạo quốc tế về đối xử tù binh

2.5.3. Những quy định về bảo vệ và đối xử với tù binh

CHƯƠNG 3

BẢO VỆ TÀI SẢN VĂN HÓA TRONG TRƯỜNG HỢP XUNG ĐỘT VŨ TRANG

3.1.

**Lịch sử hình thành quy định về bảo vệ tài sản văn hóa trong trường hợp xung đột vũ
rang**

3.1.1. Các quy định trước năm 1954

3.1.2. Công ước La Hay năm 1954 và các Nghị định thư bổ sung

3.1.3. Các công ước hỗ trợ cho việc bảo vệ tài sản văn hóa

3.2. Những quy tắc cơ bản về bảo vệ tài sản văn hóa

3.2.1. Bảo vệ phổ biến

3.2.2. Bảo vệ đặc biệt

3.2.3. Bảo vệ tăng cường

3.3.

Trách nhiệm hình sự và thẩm quyền tài phán với những vi phạm các quy tắc về bảo vệ tài sản văn hóa trong bối cảnh xung đột vũ trang

3.3.1. Trách nhiệm hình sự

3.3.2. Thẩm quyền tài phán

CHƯƠNG 4. THỰC HIỆN LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ

4.1. Những vấn đề lý luận về thực hiện Luật Nhân đạo quốc tế

4.1.1. Cơ chế thực hiện Luật Nhân đạo quốc tế

4.1.2. Nghĩa vụ của quốc gia trong việc đảm bảo sự tôn trọng Luật Nhân đạo quốc tế

4.2. Mối quan hệ giữa Luật Nhân đạo quốc tế và Luật Nhân quyền quốc tế

4.2.1. Bản chất của Luật Nhân đạo quốc tế và Luật Nhân quyền quốc tế

4.2.2. Những điểm giống nhau

4.2.3. Những điểm khác nhau

4.3. Trách nhiệm pháp lý đối với những vi phạm Luật Nhân đạo quốc tế

4.3.1. Trách nhiệm đối với cá nhân

4.3.2. Trách nhiệm đối với quốc gia

4.3.3. Trách nhiệm tập thể

CHƯƠNG 5

TRUYỀN THÔNG VÀ VIỆC THỰC HIỆN LUẬT NHÂN ĐẠO QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

5.1. Truyền thông nhân đạo của dân tộc Việt Nam

5.1.1. Tình yêu thương con người của dân tộc Việt Nam

5.1.2. Khoan dung, nhân đạo

5.2. Tư tưởng nhân đạo của Hồ Chí Minh

5.2.1. Đối với những người dễ bị tổn thương

5.2.2. Đối với tù binh

5.3. Thực hiện Luật Nhân đạo quốc tế ở Việt Nam

5.3.1. Chính sách của nhân đạo trong pháp luật Việt Nam

5.3.2. Hỗ trợ của Việt Nam đối với các cuộc khủng hoảng nhân đạo quốc tế

6. Học liệu

❖ Học liệu bắt buộc

- Cao Đức Thái (2005), *Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản*, Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.
- Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (2000), *Lịch sử Hội chữ thập đỏ Việt Nam*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- Công ước Geneva về cải thiện điều kiện của người bị thương và bị bệnh của các lực lượng vũ trang trên chiến trường ngày 12/8/1949.
- Công ước Geneva về cải thiện điều kiện của người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu trong lực lượng vũ trang trên biển ngày 12/8/1949.

❖ Học liệu tham khảo

- Công ước Geneva về tù binh chiến tranh ngày 12/8/1949
- Công ước Geneva về bảo vệ thường dân trong thời chiến ngày 12/8/1949
- Nghị định thư thứ nhất bổ sung Công ước Geneva ngày 12/8/1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế.
- Nghị định thư thứ hai bổ sung các Công ước Geneva ngày 12/8/1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế
- Công ước Hague Law liên quan đến luật và tập quán trong chiến tranh trên bộ năm 1907

7. Lịch trình tổ chức dạy học

Tuần	Nội dung chính	Tài liệu chính cần đọc	Ghi chú
Tuần 1	Khái niệm, vị trí, mục tiêu của Luật Nhân đạo quốc tế	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu	

		quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 2	Lịch sử hình thành và phát triển của Luật Nhân đạo quốc tế	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 3	Phạm vi áp dụng và các đối tượng được bảo hộ trong xung đột vũ trang quốc tế	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 4	Bảo vệ những người bị thương, bị ốm và bị đắm tàu theo quy định của Luật Nhân đạo quốc tế	Công ước Geneva về cải thiện điều kiện của người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu trong lực lượng vũ trang trên biển ngày 12/8/1949.	
Tuần 5	Bảo vệ dân thường, bảo vệ tù binh theo quy định của Luật Nhân đạo quốc tế	Công ước Geneva về bảo vệ thường dân trong thời chiến ngày 12/8/1949 Công ước Geneva về tù binh chiến tranh ngày 12/8/1949	
Tuần 6	Bảo vệ các nhân viên y tế và các nhân viên tôn giáo, phương tiện vận chuyển theo quy định của Luật Nhân đạo quốc tế	Nghị định thư thứ nhất bổ sung Công ước Geneva ngày 12/8/1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang quốc tế.	
Tuần 7	Kiểm tra giữa kỳ		
Tuần 8	Bảo vệ tài sản văn hóa trong xung đột vũ trang quốc tế theo quy định của Luật Nhân đạo quốc tế	Nghị định thư thứ hai bổ sung các Công ước Geneva ngày 12/8/1949 về bảo hộ nạn nhân trong các cuộc xung đột vũ trang không có tính chất quốc tế	

Tuần 9	Trách nhiệm hình sự và thẩm quyền tài phán với những quy tắc về bảo vệ tài sản văn hóa trong bối cảnh xung đột vũ trang quốc tế	Công ước Geneva về cải thiện điều kiện của người bị thương và bị bệnh của các lực lượng vũ trang trên chiến trường ngày 12/8/1949.	
Tuần 10	Trách nhiệm hình sự và thẩm quyền tài phán đối với những vi phạm về bảo vệ tài sản văn hóa trong bối cảnh xung đột vũ trang	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 11	Vấn đề thực hiện Luật nhân đạo quốc tế	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 12	Mối quan hệ giữa Luật nhân đạo quốc tế và luật nhân quyền	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 13	Trách nhiệm pháp lý đối với những vi phạm luật nhân đạo quốc tế	Cao Đức Thái (2005), <i>Luật nhân đạo quốc tế: những nội dung cơ bản</i> , Trung tâm nghiên cứu quyền con người, NXB Lý luận chính trị Hà Nội.	
Tuần 14	Truyền thống nhân đạo của dân tộc Việt Nam	Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (2000), <i>Lịch sử Hội chữ thập đỏ Việt Nam</i> , NXB Thanh niên, Hà Nội.	
Tuần 15	Thực hiện luật nhân đạo quốc tế ở Việt Nam	Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (2000), <i>Lịch sử Hội chữ thập đỏ Việt Nam</i> , NXB Thanh niên, Hà Nội.	

8. Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các giờ học theo lịch học đề ra
- Sinh viên không được phép vắng mặt quá 2 buổi thuyết trình hoặc thảo luận
- Sinh viên phải đọc các học liệu bắt buộc, tài liệu mà giảng viên đề ra, tự nghiên cứu và không được sao chép bài của các thành viên khác
- Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận các vấn đề đã đề ra, chủ động và tích cực trình bày quan điểm của mình về các vấn đề thảo luận
- Mỗi sinh viên có ít nhất một lần trình bày về một vấn đề trong học phần, trong buổi thảo luận trên lớp
- Lựa chọn vấn đề để trao đổi với giáo viên về phương pháp, hình thức, các tài liệu liên quan đến môn học
- Cập nhật các thông tin liên quan đến môn học
- Khuyến khích sinh viên tìm thêm tài liệu tham khảo và trao đổi ý kiến với giảng viên

9. Phương pháp, hình thức kiểm tra- đánh giá kết quả học phần

9.1. Kiểm tra- đánh giá thường xuyên (10%)

- Chuyên cần: Điểm danh để lấy điểm chuyên cần
- + Tinh thần, thái độ học tập, phát biểu ý kiến, chất lượng các ý kiến phát biểu
- + Tinh thần, trách nhiệm và kết quả thực hiện công việc trong các hoạt động nhóm
- + Kết quả của thảo luận chung của nhóm

9.2. Kiểm tra- đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ (30%)

- Kiểm tra- đánh giá giữa kỳ: Viết tiểu luận (30%)
 - + Xác định đúng vấn đề cần giải quyết
 - + Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục
 - + Giải quyết đúng vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt
 - + Sử dụng các tài liệu và phương pháp nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn
 - + Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong rõ ràng, có trích dẫn nguồn.

- Kiểm tra- đánh giá cuối kỳ (nêu rõ hình thức thi): làm tiểu luận (60%)
 - + Về hình thức: Sinh viên phải trình bày theo đúng mẫu của một báo cáo khoa học.
 - + Về nội dung: đưa được các nội dung chính của vấn đề và đưa ra luận điểm của mình một cách rõ ràng, logic và khoa học.
 - + Độ dài của tiểu luận là 15 trang.
 - + Thời hạn nộp bài là tuần thứ 15 của môn học
- Trọng số điểm:
 - + Điểm chuyên cần: 10%
 - + Điểm giữa kỳ: 30%
 - + Điểm cuối kỳ: 60%

KHOA

BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN